

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	397.02 ↓	-2.20	-0.55%
KLGD (triệu ck)	58.63 ↑	17.45	42.38%
GTGD (tỷ đồng)	850.13 ↑	294.92	53.12%
Tổng cung (triệu ck)	134.61 ↑	18.82	16.25%
Tổng cầu (triệu ck)	139.14 ↓	-25.17	-15.32%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.92 ↓	-0.24	-10.98%
KL bán (triệu ck)	1.67 ↓	-1.15	-40.67%
Giá trị mua (tỷ đồng)	62.13 ↓	-12.60	-16.86%
Giá trị bán (tỷ đồng)	59.76 ↓	-23.22	-27.98%

Các ngưỡng kĩ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	411	**
Kháng cự 2		
Kháng cự 3		
Hỗ trợ 1	380	**
Hỗ trợ 2	350	***
Hỗ trợ 3		

- * Yếu
- ** Trung Bình
- *** Mạnh
- **** Rất mạnh

Công Ty CPOCK Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999

Nhận định thị trường:



Nhận định thị trường:

Quan sát trên những cổ phiếu đã có ước tính KQKD 9 tháng đầu năm ở mức độ tích cực có thể thấy nhóm cổ phiếu này có mức tăng giá không mạnh so với chỉ số thị trường. Dòng tiền tập trung vào các cổ phiếu có hệ số beta cao khiến nhóm này đã có mức tăng khá mạnh trong những phiên vừa qua, và dư địa tăng còn lại trước khi chạm tới các kháng cự mạnh là không nhiều.

Thị trường những phiên qua đã có những yếu tố hỗ trợ, nhưng chưa đủ cho khả năng xuất hiện một đợt phục hồi bền vững. Các động thái chính sách giải quyết các vấn đề lớn của nền kinh tế mới đang là vấn đề mà hầu hết các NĐT đều quan tâm và sẽ dần hé lộ trong những phiên họp quốc hội sắp tới.

Phiên điều chỉnh hôm nay cho thấy hai yếu tố: (i) phiên tăng mạnh ngày hôm qua mang nặng yếu tố tâm lý; (ii) thị trường khẳng định lại các kháng cự mạnh 410 điểm với VN-index và 57 điểm với HNX-Index. Trong ngắn hạn, NĐT nên tiếp tục thận trọng, hạn chế giải ngân tham gia, tuy nhiên có thể tiếp tục nắm giữ danh mục sẵn có và chờ đón thêm diễn biến các động thái định hướng chính sách 2013 trong những ngày sắp tới.

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	55.93	-0.35	-0.62%
KLGD (triệu ck)	32.21	-5.80	-15.26%
GTGD (tỷ đồng)	211.08	-52.85	-20.02%
Tổng cung (triệu ck)	63.59	16.89	36.17%
Tổng cầu (triệu ck)	46.73	-21.14	-31.15%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.94	-0.32	-25.49%
KL bán (triệu ck)	0.95	-0.61	-38.90%
Giá trị mua (tỷ đồng)	7.01	-2.64	-27.40%
Giá trị bán (tỷ đồng)	10.22	-2.95	-22.41%

Các ngưỡng kỹ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	57	**
Kháng cự 2	vùng 60 - 62	***
Kháng cự 3		
Hỗ trợ 1	54	*
Hỗ trợ 2	vùng 51 điểm	**
Hỗ trợ 3		

- * Yếu
- ** Trung Bình
- *** Mạnh
- **** Rất mạnh

Thanh khoản

KLGD Khớp lệnh	Giá trị (cổ phiếu/phiên)
Bình quân 15 phiên	22,735,146
Bình quân 25 phiên	24,591,352
Cao nhất trong 6 tháng	111,859,504
Thấp nhất trong 6 tháng	15,358,600
Phiên gần nhất	31,060,000



Đồ thị HNX-Index.

Phân tích kỹ thuật:

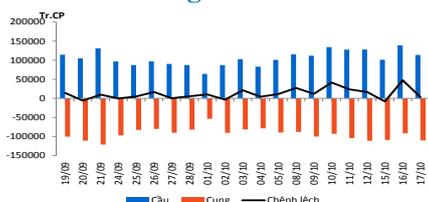
Các cổ phiếu có hệ số beta cao như PVX, VCG, KLS, VND đã lần lượt trùng lại với áp lực bán tăng cao trong khi sức mua sụt giảm mạnh. Không có nhiều thông tin tốt với nhóm cổ phiếu này, dư địa cho khả năng tăng giá còn lại không nhiều.

HNX-Index tiếp tục khẳng định vùng kháng cự 57 điểm có ý nghĩa tâm lý quan trọng. Với mức điểm hiện tại, HNX-Index vẫn ở khá gần khu vực này, và khả năng tiếp tục dao động quanh vùng sát mức 57 điểm. Điều này phản ánh tâm lý thị trường đã bắt đầu có sự lưỡng lự. Mặc dù vậy, các yếu tố kỹ thuật chưa cho thấy dấu hiệu nào tiêu cực.

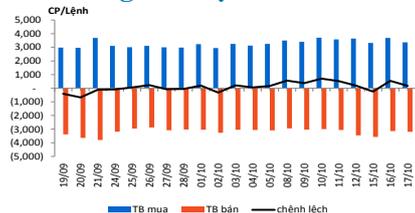
HNX-Index sẽ dao động trong vùng 54 – 57 điểm nếu như không có yếu tố tiêu cực tác động đột biến. NĐT không nên giải ngân khi chỉ số ở sát kháng cự 57 điểm, tuy nhiên có thể tiếp tục nắm giữ các cổ phiếu sẵn có, tiếp tục theo dõi tới khi xu thế tiếp theo của thị trường thể hiện rõ hơn.

HSX:

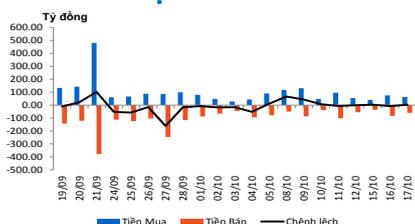
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh

Dòng tiền vào các cổ phiếu đầu cơ như Khai khoáng, Chứng khoán... có dấu hiệu yếu đi thấy rõ. Có thể thấy áp lực bán ra đã tăng lên rất mạnh, thể hiện mong muốn chốt lời ngắn hạn trong giới đầu tư.

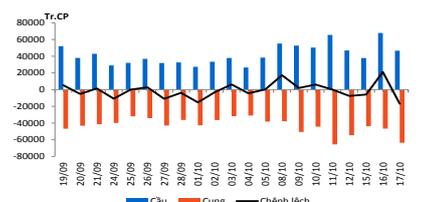
VN-Index đóng cửa đợt 1 trong sự thận trọng với chỉ 120,000 đơn vị chuyển nhượng, chỉ số không có thay đổi so với phiên trước.

Phiên sáng, giao dịch trên thị trường quay ngược hoàn toàn so với sự hào hứng mạnh mẽ của phiên hôm qua. Lệnh mua giá trần chỉ duy trì rải rác trên HOSE, trong khi đó xu hướng thoát hàng lan rộng ở hầu hết các mã cổ phiếu. Nhiều cổ phiếu đã có mức sinh lời khá dễ dàng kích thích hoạt động bán ra chốt lời, đặc biệt trong bối cảnh các thông tin tích cực là chưa rõ ràng. Lực cầu đột biến duy trì ở một số mã trên HOSE như BGM, CSM, HPG, HQC, LCM, ITA, KBC, và từ giữa phiên sáng là JVC, TTF...

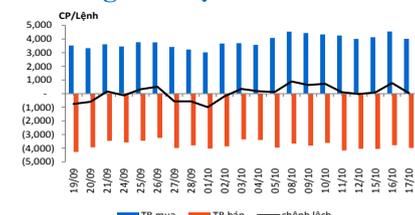
VN-Index đóng cửa giảm 2.2 điểm (0.55%) về 397.02, khối lượng khớp lệnh đạt hơn 34 triệu đơn vị. Giao dịch thỏa thuận chủ yếu tập trung ở cổ phiếu ngân hàng STB với 10 triệu đơn vị giá sàn, MBB 6.3 triệu đơn vị giá sàn và EIB hơn 4 triệu đơn vị giá trần, bên cạnh 2.4 triệu NHW, 150 ngàn VNM giá trần.

HNX:

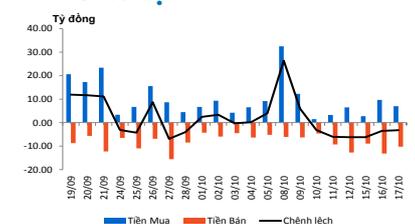
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường Hà Nội:

Đầu phiên, ột số cổ phiếu đầu cơ trên HNX như FLC, BVS, SCR, PVX... vẫn giữ được đà tăng những có thể thấy áp lực bán đã mạnh lên đáng kể. Dòng tiền vào các cổ phiếu đầu cơ như Khai khoáng, Chứng khoán... có dấu hiệu yếu đi thấy rõ.

Phiên sáng, Trên HNX, BVS giao dịch khá tích cực, trong khi FLC dao động rất mạnh trong phiên.

Diễn biến tích cực tiếp tục duy trì kéo sáng giao dịch buổi chiều, HNX-Index gia tăng 0.84 điểm (1.53%) lên 55.78 điểm. Toàn sàn có đến 148 mã tăng giá, 48 mã giảm và 202 mã tham chiếu.

Lực cầu đột biến vẫn hiện diện ở BVS, FLC, PFL... trên HNX trong giao dịch buổi chiều, tuy nhiên tình hình chung toàn sàn có chiều hướng xấu đi.

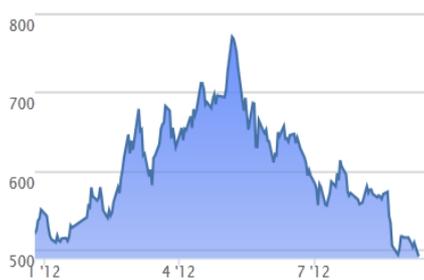
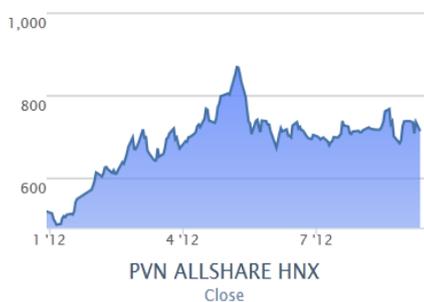
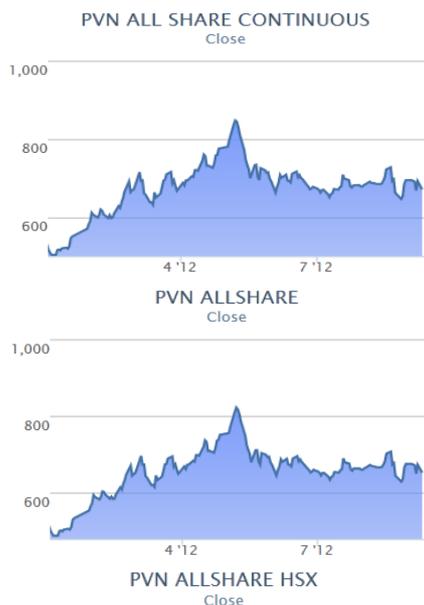
Cuối phiên, HNX-Index đóng cửa giảm 0.62% về 55.93, khối lượng khớp lệnh hơn 31 triệu đơn vị.

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện



Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	714.52	↓ -4.06	↓ -0.56
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	654.8	↓ -2.49	↓ -0.38
PVN ALLSHARE	636.88	↓ -2.94	↓ -0.46
PVN ALLSHARE HNX	496.07	↓ -2.73	↓ -0.55
PVN ALLSHARE HSX	694.29	↓ -2.5	↓ -0.36
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1049.28	↓ -11.59	↓ -1.09
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	809.86	↔ 0	↔ 0
PVN Tài Chính	463.08	↑ 5.16	↑ 1.13
PVN Công Nghiệp	324.12	↑ 4.15	↑ 1.3
PVN Dầu Khí	633.76	↓ -3.06	↓ -0.48
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	714.45	↓ -11.17	↓ -1.54

Chỉ số Ngành



Tổng quan về Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 7 mã cổ phiếu đứng giá, 7 cổ phiếu tăng giá và 14 mã cổ phiếu giảm giá. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 0,07% và tổng khối lượng giao dịch đạt 8,754 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 17/10:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	3,800.0	-	↔ 0.00	0.33	10.27	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	2,800.0	10,000	↓ -3.45	0.28	25.45	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	2,600.0	449,200	↑ 4.00	0.15	0.25	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	17,800.0	333,300	↓ -2.20	1.46	1.19	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	9,200.0	339,500	↑ 6.98	0.85	5.82	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	4,700.0	-	↔ 0.00	0.43	2.60	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	4,000.0	167,100	↔ 0.00	0.40	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	13,000.0	226,060	↓ -0.76	0.78	1.94	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	8,900.0	9,300	↓ -1.11	1.56	4.06	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	8,900.0	153,000	↓ -1.11	0.57	6.40	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	15,600.0	1,000	↓ -0.64	0.67	7.88	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	3,800.0	10,200	↓ -5.00	0.36	1.78	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,400.0	228,250	↓ -1.28	1.30	4.12	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4,800.0	4,531,475	↑ 2.13	0.21	1.80	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	38,900.0	35,150	↓ -0.26	3.14	12.47	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	36,200.0	272,950	↓ -1.09	2.17	5.85	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	25,600.0	43,650	↓ -1.92	1.17	3.11	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	6,000.0	24,360	↑ 3.45	0.52	4.38	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	11,500.0	60,540	↔ 0.00	0.66	2.83	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	36,700.0	160,380	↓ -1.61	1.79	5.18	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	2,500.0	121,600	↑ 4.17	0.24	1.94	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	36,000.0	154,100	↓ -1.91	1.22	7.07	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	8,000.0	835,550	↑ 2.56	0.70	10.13	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	4,200.0	484,790	↔ 0.00	0.43	38.18	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	4,300.0	62,000	↔ 0.00	0.41	2.87	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	2,700.0	9,290	↓ -3.57	0.24	1.41	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	9,200.0	3,670	↔ 0.00	0.70	2.76	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	4,600.0	27,590	↑ 4.55	0.42	3.03	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	↔ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	↔ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	↔ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
CSM	23,300	23,900	2.58	38,220,528
STB	20,000	20,000	0.00	217,772,391
BMC	53,500	51,000	-4.67	21,926,580
DRC	26,200	26,700	1.91	20,924,874
KDC	33,000	32,800	-0.61	16,735,717

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
PVX	4,700	4,800	2.13	21,713
VND	9,500	9,400	-1.05	20,651
SCR	6,500	6,500	0.00	16,533
KLS	8,300	8,000	-3.61	14,901
BVS	9,900	10,000	1.01	13,224

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VSG	1,100	1,200	100	9.09
DAG	14,000	14,700	700	5.00
PDR	12,100	12,700	600	4.96
JVC	18,200	19,100	900	4.95
PGC	10,200	10,700	500	4.90

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VCH	1,400	1,500	100	7.14
PPS	8,600	9,200	600	6.98
SD5	11,500	12,300	800	6.96
HTC	13,100	14,000	900	6.87
NET	36,700	39,200	2,500	6.81

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
DDM	1,600	1,500	-100	-6.25
VES	1,800	1,700	-100	-5.56
HAI	20,000	19,000	-1,000	-5.00
FDG	12,200	11,600	-600	-4.92
TMS	21,000	20,000	-1,000	-4.76

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
NVC	1,200	1,100	-100	-8.33
PSG	1,400	1,300	-100	-7.14
WCS	41,900	39,000	-2,900	-6.92
SVS	2,900	2,700	-200	-6.90
C92	8,800	8,200	-600	-6.82

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
VNM	20,873	VNM	20,873
KDC	15,402	KDC	13,440
HPG	3,640	VCB	5,304
PHR	3,207	PVD	3,472
MSN	2,935	CTG	3,100

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
VND	2,024	VND	5,060
SHB	1,792	AAA	1,028
LAS	867	VNR	871
PSI	618	SDT	615
TIG	460	PVS	311

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



PSI

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339